Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7325.91.00

Mã HS	7325.91.00
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm đúc khác bằng sắt hoặc thép / - Loại khác: / - - Bi nghiền và các hàng hóa tương tự dùng cho máy nghiền
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 18:06:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/73259100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11952
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11952
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11952
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11310
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11253
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11253
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11253
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11253
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11253
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11253
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E11305
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11305

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11305
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11305
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11305
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11305
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E11306
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F11306
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11306
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11306
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11306
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11306
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11309
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11259
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11265
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11265
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11265
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11265
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11265
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11265
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11296
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11296
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11296
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11296
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11296
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11296
VCFTA	2022	2022	4	VC!D11343
VCFTA	2023	2023	2	VC!E11343

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11343
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11343
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11343
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11343
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D11328
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E11328
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F11328
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11328
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11328
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11328
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D11328
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E11328
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F11328
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G11328
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H11328
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11328
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D11345
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E11345
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F11345
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G11345
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H11345
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11345
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D11344
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E11344
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F11344
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G11344

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H11344
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11344
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11291
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11291
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11291
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11291
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11291
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11291
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11291
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11328
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11328
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11328
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11328
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11328
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11328
RCEP B	2022	2022	0	B!D11328
RCEP B	2023	2023	0	B!E11328
RCEP B	2024	2024	0	B!F11328
RCEP B	2025	2025	0	B!G11328
RCEP B	2026	2026	0	B!H11328
RCEP B	2027	2027	0	B!I11328
RCEP C	2022	2022	0	C!D11328
RCEP C	2023	2023	0	C!E11328
RCEP C	2024	2024	0	C!F11328
RCEP C	2025	2025	0	C!G11328
RCEP C	2026	2026	0	C!H11328

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I11328
RCEP D	2022	2022	0	D!D11327
RCEP D	2023	2023	0	D!E11327
RCEP D	2024	2024	0	D!F11327
RCEP D	2025	2025	0	D!G11327
RCEP D	2026	2026	0	D!H11327
RCEP D	2027	2027	0	D!I11327
RCEP E	2022	2022	0	E!D11331
RCEP E	2023	2023	0	E!E11331
RCEP E	2024	2024	0	E!F11331
RCEP E	2025	2025	0	E!G11331
RCEP E	2026	2026	0	E!H11331
RCEP E	2027	2027	0	E!I11331
RCEP F	2022	2022	0	F!D11328
RCEP F	2023	2023	0	F!E11328
RCEP F	2024	2024	0	F!F11328
RCEP F	2025	2025	0	F!G11328
RCEP F	2026	2026	0	F!H11328
RCEP F	2027	2027	0	F!I11328
VIFTA	2024	2024	18	VI!F10493
VIFTA	2025	2025	16	VI!G10493
VIFTA	2026	2026	14	VI!H10493
VIFTA	2027	2027	12	VI!I10493

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7325.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 7325.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11952), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.